

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /2017/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 4 năm 2017

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 13-04-2017

CÔNG VĂN ĐẾN số: 1455

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết nội dung thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 ngày 9 tháng 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ văn bản số 67/HDDND-KTNS ngày 16/3/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2017-2020, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2529/TTr-SNN ngày 24 tháng 11 năm 2016 về việc Ban hành Quyết định Quy định chi tiết nội dung thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chi tiết thi hành Khoản 3 Điều 6, Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020, như sau:

1. Hỗ trợ hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo hàng năm cho lợn (Áp dụng đối với các hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con lợn nái).

a) Loại tinh: Bao gồm tinh lợn đực giống Móng cái và tinh lợn ngoại (Yorshire, Landrace, Duroc, Pidu, Pietrance và các giống được tạo ra từ tổ hợp lai của các giống lợn ngoại), có nhãn mác rõ ràng và tiêu chuẩn chất lượng phù hợp hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí về liệu tinh nhưng không quá 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một lợn nái/năm.

c) Đơn giá liệu tinh: Theo hóa đơn thực tế, nhưng không quá 50.000 đồng/liều tinh có thể tích 30 ml để phối giống cho lợn nái nội; không quá 70.000 đồng/liều tinh có thể tích 50 ml để phối giống cho lợn nái lai; không quá 100.000 đồng/liều tinh có thể tích 80 ml để phối giống cho lợn nái ngoại.

2. Hỗ trợ hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo hàng năm cho trâu, bò (Áp dụng đối với các hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con trâu, bò sinh sản).

2.1. Hỗ trợ về liệu tinh

a) Loại tinh: Các loại tinh trâu, bò (tinh cộng rạ) được sản xuất, nhập khẩu bởi các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước nằm trong danh mục quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí về liệu tinh nhưng không quá 02 liều tinh/01 bò cái phối/năm; không quá 04 liều tinh/01 trâu cái phối/năm.

c) Đơn giá liệu tinh: Phối giống cho trâu không quá 200.000 đồng/liều tinh; phối giống cho bò không quá 150.000 đồng/liều tinh.

2.2. Hỗ trợ về vật tư

a) Loại vật tư hỗ trợ: Bình bảo quản tinh loại từ 35- 47 lít tại các điểm trung chuyển, Ni tơ lỏng, súng bắn tinh, găng tay, ống gen.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí mua vật tư phục vụ công tác phối giống cho trâu, bò gồm: Ni tơ lỏng dùng để vận chuyển tinh đi phối giống không quá 1,5 lít/01 bò cái chữa; 3,0 lít/01 trâu cái chữa. Bình bảo quản tinh tại các điểm trung chuyển không quá 03 bình/điểm trung chuyển. Ni tơ lỏng dùng để bảo quản tinh tại các điểm trung chuyển theo thực tế sử dụng, nhưng không quá 540lít/điểm trung chuyển/năm. Súng bắn tinh 01cái/01 dẫn tinh viên, thời gian sử dụng 5 năm. Găng tay, ống gen phù hợp theo số liệu tinh sử dụng, mỗi liều tinh tương ứng với 01 đôi găng tay và 01 ống gen.

c) Đơn giá hỗ trợ: Hỗ trợ theo hóa đơn thực tế, nhưng bình bảo quản tinh tại các điểm trung chuyển không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/cái. Ni tơ lỏng không quá 30.000 đồng/lít, súng bắn tinh không quá 800.000 đồng/cái, găng tay không quá 5.000 đồng/đôi, ống gen không quá 5.000 đồng/chiếc.

3. Hỗ trợ hộ chăn nuôi mua lợn, bò, trâu đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

3.1. Hỗ trợ mua lợn, bò, trâu đực giống (Áp dụng cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn)

a) Loại giống: Trâu đực giống là giống trâu Việt Nam, trâu lai, trâu ngoại; Bò đực giống là các giống bò ngoại thuần, bò lai thuộc dòng Zebu; Lợn đực giống là các giống lợn ngoại có phẩm cấp giống từ cấp bố mẹ trở lên (*Yorshire, Landrace, Duroc, Pietrance, Pidu* và các giống được tạo ra từ tổ hợp lai của các giống lợn ngoại).

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 50% giá trị con giống, nhưng không quá 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*)/1 con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi đến 48 tháng tuổi; không quá 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*)/1 con đối với bò đực giống từ 12 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi; không quá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/1 con đối với lợn đực giống từ 06 tháng tuổi đến 15 tháng tuổi.

c) Số lượng: Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua 01 con trâu đực giống hoặc 01 con bò đực giống hoặc 03 con lợn đực giống.

3.2. Hỗ trợ mua gà, vịt giống bố mẹ hậu bị (Áp dụng cho các hộ chăn nuôi gắn với ấp nở con giống)

a) Loại giống: Là giống nội, ngoại và các giống lai có trong danh mục được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép sản xuất, kinh doanh.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị từ 8 tuần đến 20 tuần tuổi. Mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng (*năm mươi ngàn đồng*)/1 con.

c) Số lượng: Mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống.

3.3. Nguyên tắc hỗ trợ: Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng: Hoặc lợn đực giống, hoặc trâu đực giống, hoặc bò đực giống, hoặc gà giống, hoặc vịt giống.

4. Hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc

4.1. Hỗ trợ đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo cho trâu, bò

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí đào tạo, tập huấn nhưng không quá 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*)/1 người cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo trâu, bò.

b) Số lượng người tham gia đào tạo: Các huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hóa tối đa không quá 07 người/huyện; các huyện Hàm Yên, Na Hang, Lâm Bình tối đa không quá 05 người/huyện; thành phố Tuyên Quang không quá 03 người.

4.2. Hỗ trợ kỹ thuật phối giống nhân tạo cho lợn

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí tập huấn nhưng không quá 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*)/1 lớp cho hộ chăn nuôi lợn nái về kỹ thuật phối giống nhân tạo cho lợn.

b) Số lượng người tham gia đào tạo: 01lớp/01 xã, phường, thị trấn và mỗi lớp không quá 40 người.

4.3. Hỗ trợ về vật tư phục vụ cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo cho trâu, bò

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần 100% giá trị bình chứa Nitơ lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo cho trâu, bò.

b) Loại bình: Từ 1,0 đến 3,7 lít.

c) Đơn giá: Theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/01 bình/01 người.

Điều 2. Phân bổ kinh phí và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Phân bổ kinh phí hỗ trợ: Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp thẩm định kế hoạch và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các nội dung hỗ trợ.

a) Đối với kinh phí hỗ trợ phối giống nhân tạo cho gia súc (lợn, trâu, bò) và kinh phí hỗ trợ mua ni tơ lỏng, bình chứa Nitơ lỏng, vật tư phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo, kinh phí hỗ trợ công tác đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo cho gia súc được cấp về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thanh toán theo quy định.

b) Đối với kinh phí hỗ trợ các nội dung còn lại gồm: Hỗ trợ mua trâu, bò, lợn đực giống, gà, vịt giống bố mẹ hậu bị được cấp theo kế hoạch hàng năm cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để thanh toán hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng.

2. Thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ Tài chính về việc quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

b) Thực hiện các nhiệm vụ được giao, quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, cung cấp tinh gia súc, vật tư phục vụ phối giống nhân tạo cho gia súc đảm bảo chất lượng để triển khai thực hiện Quyết định.

d) Chủ trì lựa chọn đơn vị đủ điều kiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức thực hiện đào tạo mạng lưới dẫn tinh viên trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổng hợp, xây dựng đề án và lập kế hoạch kinh phí hỗ trợ từ đăng ký nhu cầu của các huyện, thành phố. Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; quản lý và sử dụng nguồn kinh phí, vật tư được giao đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả, theo đúng quy định của Nhà nước.

e) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, phối hợp với các huyện, thành phố kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các nội dung theo kế hoạch đã phê duyệt hàng năm.

g) Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định này để kịp thời hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc tại các địa phương; tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cân đối nguồn kinh phí theo kế hoạch hàng năm, thẩm định dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị liên quan kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định đảm bảo chặt chẽ và đạt hiệu quả.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Bố trí kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án để nâng cao hiệu quả thực hiện Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung hỗ trợ của Quyết định này để các đối tượng thụ hưởng trên địa bàn biết và thực hiện.

b) Chỉ đạo cơ quan có liên quan lập kế hoạch kinh phí hỗ trợ sát với thực tế, chi tiết đến từng xã, phường, thị trấn, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch kinh phí thực hiện. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã về mẫu đơn, biểu mẫu để phổ biến cho các đối tượng được hưởng hỗ trợ thực hiện. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức nghiệm thu các nội dung hỗ trợ trên địa bàn.

c) Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả.

d) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn, bảo đảm công khai, minh bạch.

e) Định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức tuyên truyền phổ biến rộng rãi Quyết định này đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn biết và thực hiện.

b) Hàng năm tổng hợp danh sách đăng ký hỗ trợ trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố làm căn cứ xây dựng kế hoạch.

c) Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trả lời kết quả và hướng dẫn các mẫu đơn, biểu mẫu. Đồng thời thực hiện kiểm tra các điều kiện hưởng hỗ trợ trên địa bàn bảo đảm đúng đối tượng, đúng mục đích.

d) Xác nhận các thủ tục hỗ trợ theo quy định về đối tượng, nhu cầu đăng ký hỗ trợ, các hạng mục hỗ trợ đã hoàn thành và công khai danh sách hỗ trợ đến từng thôn, xóm.

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan cấp huyện tổ chức nghiệm thu các nội dung hỗ trợ.

g) Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ trên địa bàn quản lý đảm bảo đúng theo quy định; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại cơ sở.

h) Định kỳ 6 tháng, năm thực hiện việc báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân huyện.

6. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định cung ứng giống vật nuôi, tinh gia súc và vật tư chăn nuôi; dẫn tinh viên làm dịch vụ phối giống nhân tạo cho trâu, bò lợn

a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định cung ứng giống vật nuôi, tinh gia súc và vật tư chăn nuôi; hàng năm phối hợp với các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết để cung ứng đầy đủ, kịp thời đảm bảo về số lượng, chất lượng. Hoàn thiện hồ sơ, chứng từ liên quan thực hiện việc thanh quyết toán, quyết toán theo đúng quy định.

b) Dẫn tinh viên làm dịch vụ phối giống nhân tạo cho gia súc: Sử dụng các loại tinh, vật tư đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Bảo quản bình đựng Nitor lỏng theo đúng quy định, trường hợp hỏng, mất phải có trách nhiệm mua thay thế bình đựng Nitor lỏng theo đúng chủng loại như đã được hỗ trợ ban đầu; ghi chép sổ sách theo dõi trong công tác phối giống; báo cáo các vấn đề vướng mắc tại cơ sở với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để kịp thời giải quyết.

7. Hộ chăn nuôi

a) Chăm sóc, nuôi dưỡng trâu, bò, lợn đực giống; gà, vịt giống bố mẹ theo hướng an toàn dịch bệnh. Khai thác, sử dụng con giống được hỗ trợ bảo đảm hiệu quả, đúng mục đích.

b) Thực hiện đầy đủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND huyện, thành phố;
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học và Công báo;
- Chuyên viên NLN, TC;
- Lưu: VT (Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Quang